

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 30/3/2022

V/v: “Ly hôn; tranh chấp về
nuôi con khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Thanh Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Mai Thị Thảo;

2. Bà Đỗ Thị Thanh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Hải Minh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:
Bà Phạm Thị Quyên – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 308/2021/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 12 năm 2021 về Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 29/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 02 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 30/2022/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 3 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Đào Xuân C, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Phường Đ, thành phố C, tỉnh Hải Dương.

2. *Bị đơn:* Chị Hoàng Thị N, sinh năm 1991.

Nơi ĐKKHKT trước khi xuất cảnh: Phường Đ, thành phố C, tỉnh Hải Dương.

Nơi cư trú hiện nay: Đài Loan.

3. *Người làm chứng:* Ông Hoàng Văn L, sinh năm 1958, nơi cư trú: Thôn Cổ Phục Bắc, xã Kim Liên, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương.

Các đương sự và người làm chứng đều vắng mặt. (Anh C có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn và bản tự khai cùng các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, anh Đào Xuân C trình bày: Anh và chị Hoàng Thị N được tự do tìm hiểu và tự nguyện kết hôn vào ngày 22 tháng 12 năm 2010 tại UBND

phường Đ, thành phố C, tỉnh Hải Dương. Sau khi chung sống với nhau được một thời gian thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không hòa hợp, bất đồng về quan điểm sống dẫn đến to tiếng, cãi nhau. Sau đó, anh C và chị N đi xuất khẩu lao động tại Đại Loan từ khoảng năm 2014 nhưng vợ chồng sống khác thành phố. Do khoảng cách về địa lý nên vợ chồng không thể thường xuyên gặp nhau dẫn đến tình cảm phai nhạt dần, không còn quan tâm đến nhau và ly thân từ đó đến nay. Đến năm 2020, anh C quay trở về Việt Nam và có liên lạc với chị N nhằm hàn gắn tình cảm vợ chồng và khuyên nhủ chị N về nước để gia đình đoàn tụ. Tuy nhiên, chị N không đồng ý rồi chủ động cắt đứt liên lạc với anh C. Dù nhiều lần được bạn bè và gia đình khuyên nhủ nhưng đều không có kết quả. Anh C xác định mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị Hoàng Thị N.

Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân anh C và chị N có 01 con chung là cháu Đào Yến V, sinh ngày 16/02/2013. Hiện nay, cháu Đào Yến V đang ở cùng anh C tại phường Đ, thành phố C, tỉnh Hải Dương. Khi ly hôn, anh C có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung do cháu vẫn còn nhỏ cần sự quan tâm chăm sóc trực tiếp của cha. Bản thân anh C hiện nay cũng có nơi cư trú và việc làm ổn định có đủ khả năng để nuôi dưỡng chăm sóc cháu đầy đủ. Đề nghị Tòa án giao cho anh C được trực tiếp nuôi dưỡng cháu V và không yêu cầu chị N cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp với gia đình: Anh C không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tiến hành lấy lời khai của ông Hoàng Văn L là bố đẻ của chị Hoàng Thị N. Tại các biên bản lấy lời khai ngày 27/12/2021 và 25/01/2022, ông L trình bày: Chị N và anh C được tự do tìm hiểu và tự nguyện kết hôn vào ngày 22 tháng 12 năm 2010 tại UBND phường Đ, thành phố C, tỉnh Hải Dương. Hiện nay, chị N đang lao động tại Đại Loan. Chị N đã được ông thông báo các nội dung văn bản tố tụng của Tòa án. Chị N xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị N nhất trí đồng ý ly hôn anh C. Do chị N không cung cấp địa chỉ cụ thể ở Đại Loan và bản thân ông L cũng không nắm được nên ông không thể cung cấp cho Tòa án. Về con chung, anh C, chị N có 01 con chung là cháu Đào Yến V, sinh ngày 16/02/2013. Khi ly hôn, chị N đồng ý để anh C trực tiếp nuôi dưỡng cháu V do chị N đang lao động ở nước ngoài không đủ điều kiện để chăm sóc cho con chung.

Theo thông tin do Cục Quản lý xuất nhập cảnh cung cấp tại Công văn số 1137/QLXNC-P5 ngày 11/01/2022 thể hiện: Chị Hoàng Thị N, sinh ngày 06/10/1991, có thông tin xuất, nhập cảnh nhiều lần; lần cuối xuất cảnh ngày

29/7/2018 bằng hộ chiếu số C0332956 qua cửa khẩu Nội Bài, hiện chưa có thông tin nhập cảnh.

Tại phiên tòa, anh C, chị N, ông L đều vắng mặt (anh C có đơn xin xét xử vắng mặt).

Quan điểm của đại diện VKSND tỉnh Hải Dương: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và nguyên đơn cơ bản đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về quan điểm giải quyết: Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ cho thấy mâu thuẫn của anh C và chị N đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận xử cho anh Đào Xuân C ly hôn chị Hoàng Thị N; về con chung, giao cháu cháu Đào Yến V, sinh ngày 16/02/2013 cho anh C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị N không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Về án phí: Anh C phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Đào Xuân C có hộ khẩu thường trú tại tỉnh Hải Dương, có đơn đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với chị Hoàng Thị N, là người Việt Nam có hộ khẩu thường trú tại Hải Dương, hiện đang sinh sống tại Đài Loan. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 37, Điều 39, Điều 464 BLTTDS, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

Tại phiên tòa, anh C vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, chị N vắng mặt lần thứ hai, căn cứ Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vụ án theo quy định. Tòa án xác định đây là trường hợp bị đơn cố tình giấu địa chỉ, vì vậy Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn giải quyết vụ án ly hôn có bị đơn là người Việt Nam ở nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh C và chị N được tự do tìm hiểu và tự nguyện kết hôn vào ngày 22 tháng 12 năm 2010 tại UBND phường Đ, thành phố C, tỉnh Hải Dương. Sau khi chung sống với nhau được một thời gian thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống dẫn đến cuộc sống hôn nhân không hòa hợp, thường xuyên to tiếng, cãi nhau. Đến năm 2014, anh C và chị N cùng đi lao động tại Đài Loan nhưng mỗi người sinh sống ở một thành phố. Do khoảng cách về địa lý nên vợ chồng không thể thường xuyên gặp nhau dẫn đến tình cảm phai nhạt dần. Đến năm 2020, anh C quay trở về Việt Nam và có liên lạc với chị N nhằm hàn gắn tình cảm vợ chồng để gia đình cùng nhau về nước đoàn tụ. Tuy nhiên, chị N không đồng ý rồi chủ động cắt đứt liên lạc với anh C và vợ chồng ly thân từ đó đến nay. Anh C xác định mâu thuẫn

vợ chồng ngày càng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Mâu thuẫn trong quan hệ hôn nhân giữa anh C, chị N cũng được gia đình chị N xác nhận. HĐXX xét thấy, hôn nhân của anh C và chị N đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mỗi người ở một nước khác nhau, không ai quan tâm đến ai, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận cho anh C ly hôn với chị N là phù hợp quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về quan hệ nuôi con chung: Vợ chồng anh C và chị N có 01 con chung là cháu Đào Yến V, sinh ngày 16/02/2013. Hiện nay, cháu Đào Yến V đang ở cùng anh C tại Khu dân cư Tế Sơn, phường Đ, thành phố C, tỉnh Hải Dương. Do cháu V vẫn còn nhỏ cần sự quan tâm chăm sóc trực tiếp của cha mẹ. Bản thân anh C hiện nay cũng có nơi cư trú và việc làm ổn định có đủ khả năng để nuôi dưỡng chăm sóc cháu đầy đủ. Do đó, anh C đề nghị Tòa án cho anh được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu chị N cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Xét thấy, việc chăm sóc, nuôi dưỡng con chung vừa là quyền vừa là nghĩa vụ của cha, mẹ. Bản thân anh C có chỗ ăn ở, có sức lao động nên đủ điều kiện nuôi con. Chị N đang lao động tại Đài Loan, chưa thể về nước. Để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung nên việc giao con chung cho anh C nuôi dưỡng là phù hợp với các Điều 58, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Sau này, chị N về Việt Nam sinh sống có quyền yêu cầu Tòa án có thẩm quyền giải quyết về việc thay đổi quyền nuôi con theo quy định. Do anh C tự nguyện tạm thời chưa yêu cầu chị N cấp dưỡng nên Tòa án không xem xét việc cấp dưỡng nuôi con chung, sau này anh C có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án có thẩm quyền giải quyết việc cấp dưỡng cho con theo quy định của pháp luật.

[4] Về quan hệ tài sản chung: Anh C và chị N không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[5] Về án phí: Anh C phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 BLTTDS; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm c khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273, Điều 464 và Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Đào Xuân C. Xử cho anh Đào Xuân C ly hôn chị Hoàng Thị N.

2. Về quan hệ nuôi con chung: Giao cho anh Đào Xuân C trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là cháu Đào Yến V, sinh ngày 16/02/2013 đến khi đủ 18 tuổi trưởng thành. Anh C tự nguyện không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con chung. Anh C có quyền khởi kiện yêu cầu chị N cấp dưỡng tiền nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

Chị Hoàng Thị N có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Anh Đào Xuân C phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí sơ thẩm dân sự (Hôn nhân và gia đình), đối trừ với 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương, theo biên lai thu số [AA/2020/0004661](#) ngày 27/12/2021. Anh C đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Anh C có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày; chị N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND phường Đồng Lạc, tp. Chí Linh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, Lưu Tòa.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Vũ Thanh Tuấn